

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2018.

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Mỹ.

2. Bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 204/2018/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị Thu H, sinh năm: 1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4A, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Đội 4, buôn D, xã DL, huyện A, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Mai Duy T, sinh năm: 1989.

Nơi cư trú: Thôn 4A, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Ngày 04/6/2018, nguyên đơn chị Mai Thị Thu H làm đơn khởi kiện Ly hôn với anh Mai Duy T với nội dung như sau:** Tôi (Mai Thị Thu H) và anh Mai Duy T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện, ngày 09/12/2013 chúng tôi đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện A, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một năm, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh T ghen tuông vô cớ, không cho tôi tiếp xúc với bất kỳ ai, mỗi khi tôi gặp và nói chuyện với bạn, anh T thường đánh đập tôi. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc đến tháng 01 năm 2017 tôi về nhà mẹ đẻ sinh sống và hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, tôi đã không còn tình cảm với anh T nên tôi làm đơn xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống tôi và anh T chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn; Triệu tập nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án lập bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh Mai Duy T không đến Tòa án tham gia tố tụng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

- Nguyên đơn chị Mai Thị Thu H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Mai Duy T.

- Bị đơn anh Mai Duy T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đều thực hiện đúng các quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Mai Duy T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là vi phạm Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của BLTTDS. Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình (HNGĐ) đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Thu H. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mai Thị Thu H và anh Mai Duy T. Về con chung: Không có nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét về hình thức: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Mai Thị Thu H lập ngày 04/6/2018, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật: Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Xét thấy tại thời điểm chị Mai Thị Thu H làm đơn khởi kiện, bị đơn anh Mai Duy T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn 4A, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Mai Duy T Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo tham gia phiên tòa nhưng anh Mai Duy T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của BLTTDS năm 2015, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị Thu H xin ly hôn anh Mai Duy T, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định: Chị H và anh T xác lập quan hệ vợ chồng và đăng ký kết hôn kết hôn tại UBND xã xã D, huyện A, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo lời trình bày của chị H, nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân là do anh T ghen vô cớ nên thường đánh đập chị H. Tháng 01 năm 2017, chị H bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không liên lạc, quan tâm, chăm sóc đến nhau.

Để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, ngày 27/7/2018 Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Mai Thị Thu H và anh Mai Duy T (Bút lục số 27, 28). Kết quả ban tự quản Thôn 4A, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk cung cấp như sau: “Chị Mai Thị Thu H và anh Mai Duy T về chung sống với nhau từ năm 2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, anh T nhiều lần dùng tay chân đánh chị H. Đến tháng 4/2017 chị H đi nơi khác ở, hai vợ chồng sống ly thân không quan tâm chăm sóc lẫn nhau”.

Căn cứ vào kết quả xác minh cũng như lời trình bày của chị H đã có đủ cơ sở pháp lý xác định: Trong quá trình chung sống, chị H và anh Mai Duy T thường xảy ra cãi nhau, anh T nhiều lần dùng tay, chân đánh chị H. Từ tháng 4/2017 đến nay chị H và anh T sống ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Điều đó chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Mai Thị Thu H được ly hôn với anh Mai Duy T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Mai Thị Thu H và anh Mai Duy T không có con chung nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Mai Thị Thu H không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

* Về án phí: Chị Mai Thị Thu H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Hương đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0005140 ngày 13 tháng 6 năm 2018.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mai Thị Thu H và anh Mai Duy T.

- Về nuôi con chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Mai Thị Thu H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Chị Mai Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0005140 ngày 13 tháng 6 năm 2018.

Nguyên đơn chị Mai Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Mai Duy T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- LưuHS;
- UBND xã D.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trương Quang Vinh